

Nhà Bè, ngày 05 tháng 5 năm 2022

Công tác y tế trường học năm học 2021-2022

1. Thông tin chung

1. Tổng số học sinh: 36.383
2. Tổng số lớp học: 1.091
3. Ban chăm sóc sức khỏe học sinh: Có
4. Kế hoạch YTTH được phê duyệt: Có
5. Kinh phí thực hiện: 1.699.792.006 đồng

II. Hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh

2.1. Phát hiện các dấu hiệu bất thường và yếu tố nguy cơ về sức khỏe

TT	Nguy cơ sức khỏe	Tổng số phát hiện	Xử trí, chuyển tuyến	Tỷ lệ %
1	Tăng huyết áp	129	129	100
2	Suy dinh dưỡng	2.416	2.416	100
3	Thừa cân, béo phì	11.697	11.697	100
4	Tim mạch	32	32	100
5	Hô hấp	71	71	100
6	Tiêu hóa	20	20	100
7	Tiết niệu	29	29	100
8	Tâm thần - thần kinh	20	20	100
9	Bệnh về mắt	9.742	9.742	100
10	Bệnh răng miệng	10.787	10.787	100
11	Tai mũi họng	989	989	100
12	Bệnh cơ xương khớp	90	90	100
13	Khác (ghi rõ)	16	16	100
Cộng		36.038	36.038	100

* Tỷ lệ % - Số lượng xử trí, chuyển tuyến x 100/ Tổng số phát hiện

Nhận xét:

- Trẻ sau khi khám phát hiện bị suy dinh dưỡng, thiếu cân, béo phì, thừa cân: Lập danh sách riêng biệt. Nhà trường cần phối hợp với phụ huynh trao đổi can thiệp về suất ăn hàng ngày tại nhà và trong khẩu phần ăn trong nhà trường (đối với

học sinh bán trú); tăng cường vận động tại trường đối với trẻ thừa cân, béo phì; cân, đo chiều cao định kỳ theo quy định hiện hành.

- Số trẻ bị sâu răng còn nhiều, nhân viên y tế trường học cần hướng dẫn trẻ chải răng đúng cách, chải răng sau khi ăn và trước khi đi ngủ trưa, tối.

- Đối với các nhóm bệnh khác: Nhân viên y tế trường học tham mưu cho Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm lập sổ theo dõi học sinh mắc bệnh theo từng nhóm riêng biệt. Vận động phụ huynh đưa các cháu khám và điều trị sau khám sức khỏe sàng lọc đầu năm học.

2.2. Khám, điều trị các bệnh theo chuyên khoa

TT	Tên chuyên khoa	Tổng số khám	Tổng số mắc	Tổng số được điều trị	Tỷ lệ %
1	Nhi khoa/nội khoa	34.730	14.414	14.414	100
2	Mắt	34.730	9.742	9.742	100
3	Răng- Hàm- Mặt	34.730	10.787	10.787	100
4	Tai-Mũi-Họng	34.730	989	989	100
5	Cơ xương khớp	34.730	90	90	100
6	Khác	34.730	16	16	100
Cộng		34.730	36.038	36.038	100

* Tỷ lệ % = Tổng số được điều trị x 100/Tổng số mắc

Nhận xét: Đối với các nhóm bệnh chuyên khoa, nhân viên y tế trường học tham mưu cho Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm vận động phụ huynh cho học sinh đi khám chuyên khoa để có hướng điều trị kịp thời.

2.3. Tình hình dịch, bệnh truyền nhiễm

TT	Tên dịch bệnh	Tổng số mắc	Số tử vong	Ghi chú
1	Tiêu chảy	0	0	
2	Tay chân miệng	266	0	Số liệu 2021
3	Sởi	3	0	
4	Quai bị	0	0	
5	Thủy đậu	4	0	
6	Sốt xuất huyết	200	0	Số liệu 2021
7	Covid-19	6.566	0	
Cộng		7.039	0	

Nhận xét:

- Phối hợp rất tốt trong công tác phòng, chống dịch bệnh giữa Trung tâm Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo với Ban Giám hiệu, Trạm Y tế.

- Đa số các trường đều có thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh, có phân công, phân nhiệm cụ thể cho thành viên để kịp thời xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

- Có triển khai các hoạt động truyền thông phòng, chống bệnh Tay chân miệng, sốt xuất huyết, Zika, Covid-19,... bố trí nước sạch, xà phòng rửa tay, vệ sinh khử khuẩn hàng ngày lớp học, đồ chơi vật dụng học cụ, nhà vệ sinh chung bằng Javel.

- Các trường lập sổ theo dõi bé nghỉ học hàng ngày tại mỗi lớp, nhân viên tế trường tổng hợp phân loại phát hiện các trường hợp nghỉ do bệnh truyền nhiễm và báo Trạm Y tế, Trung tâm Y tế khi có ca bệnh để cử cán bộ đến trường hỗ trợ, hướng dẫn điều tra dịch, các biện pháp vệ sinh khử khuẩn trang thiết bị, đồ chơi của trẻ, vệ sinh môi trường khuôn viên trường học, lớp học, không để tình trạng dịch bệnh lây lan trong trường học.

- Ban Giám hiệu trường học nhắc nhở giáo viên, bảo mẫu phải nắm vững các triệu chứng mô tả bệnh Tay chân miệng, Sốt xuất huyết, Covid-19,... quy tắc pha Chloramine B, Javel diệt khuẩn khi trường không có ca dịch hoặc xảy ra ca dịch truyền nhiễm.

- Đa số trường công lập thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh.

2.4. Sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số mắc	Xử trí, chuyển tuyến	
			Xử lý tại chỗ	Chuyển tuyến
1.	Trượt, ngã	31	31	0
2.	Bỏng	0		
3.	Đuối nước	0		
4.	Điện giật	0		
5.	Súc vật cắn	0		
6.	Ngộ độc	0		
7.	Hóc dị vật	0		
8.	Cắt vào tay chân	0		
9.	Bị đánh	0		
10.	Tai nạn giao thông	0		
11.	Khác (ghi rõ)	0		
	Cộng	31	31	0

* Tỷ lệ % = Số lượng xử trí, chuyển tuyến x 100/ Tổng số mắc

Nhận xét: Đối với chấn thương trượt, ngã chủ yếu là vết thương phần mềm, xây xát ngoài da, nhân viên y tế trường học tự xử lý hoặc chuyển qua Trạm Y tế xã, thị trấn xử lý.

2.5. Hoạt động tư vấn sức khỏe

TT	Nội dung tư vấn	Tổng số đối tượng nguy cơ	Số học sinh được tư vấn	Tỷ lệ %
1	Dinh dưỡng hợp lý	3.982	3.982	100
2	Hoạt động thể lực	3.982	3.982	100
3	Tâm sinh lý	13	13	100
4	Phòng chống bệnh tật	7.911	7.911	100
5	PC bệnh tật học đường	7.911	7.911	100
6	Sức khỏe tâm thần	0	0	
7	Khác (ghi rõ)	0	0	
	Tổng cộng	23.799	23.799	100

* Tỷ lệ % = Số người được tư vấn x 100/ Tổng số đối tượng nguy cơ

Nhận xét:

- Các trường đã triển khai thực hiện kế hoạch theo từng tháng với từng chuyên đề bắt buộc, thực hiện bằng Truyền thông Giáo dục Sức khỏe và sử dụng hiệu quả các tài liệu truyền thông trong các buổi nói chuyện trực tiếp; lồng ghép các vấn đề sức khỏe vào các buổi sinh hoạt dưới cờ, các buổi họp Hội đồng Sư phạm.

- Hiện nay, công tác tư vấn, tham vấn tâm lý học đường chưa được quan tâm nên hầu hết các trường chưa có không gian tư vấn, tham vấn riêng biệt cũng như chưa có chuyên viên tư vấn, tham vấn tâm lý học đường.

2.5. Tổ chức bữa ăn học đường

- Số trường có tổ chức bán trú: 72/74 trường.

- Số trường có xây dựng thực đơn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý: 72/72 trường.

Nhận xét:

- Được sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Y tế với ngành Giáo dục và Đào tạo Huyện nên công tác đảm bảo an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể, căn tin trường học ngày càng được hoàn thiện.

- Ban Giám hiệu các trường học chú trọng nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm bằng việc mua nguyên liệu thực phẩm có làm hợp đồng mua bán, hồ sơ an toàn thực phẩm đầy đủ.

- Thực hiện khám sức khỏe theo quy định và tập huấn xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho các nhân viên tiếp xúc với thực phẩm.

- Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ nhà bếp, nhà ăn đảm bảo điều kiện vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- Tiếp tục tăng cường thực hiện tốt các quy định về An toàn thực phẩm, nâng cao công tác phòng, chống ngộ độc thực phẩm trong trường học; xử lý kịp thời các

bếp ăn tập thể, căn tin, suất ăn sẵn trong trường học không thực hiện đúng các quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

2.6. Tiêm chủng phòng bệnh trong các chiến dịch tại trường

TT	Loại vắc xin	Tổng số học sinh	Số học sinh được tiêm	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Pfizer	11.688	11.523	98.59	Mũi 1 (Học sinh 12T-17T)
2	Pfizer	11.688	11.221	96.00	Mũi 2 (Học sinh 12T-17T)

* Tỷ lệ % = Số học sinh được tiêm chủng đầy đủ x 100/ Tổng số đối tượng học sinh cần tiêm chủng

Nhận xét: Năm học 2021-2022, Trung tâm Y tế Huyện phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ban Giám hiệu các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn Huyện nên công tác tiêm chủng đạt được kết quả tốt và an toàn tiêm chủng. Trẻ từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi đang thực hiện tiêm chủng theo chiến dịch và tiến độ của Thành phố.

2.7. Quản lý số theo dõi sức khỏe học sinh

- Tổng số học sinh có sổ theo dõi sức khỏe: 36.383 học sinh.
- Tổng số học sinh được thông báo về tình trạng sức khỏe cho gia đình/người giám hộ: 34.730 học sinh.

Nhận xét: 100% các học sinh các cấp đều có sổ khám sức khỏe định kỳ đúng theo mẫu hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT.

- Số còn học sinh còn lại không được khám nguyên nhân do: Nhà trường đăng ký khám từ 1 đến 2 ngày tại phòng khám hoặc bệnh viện như: Bệnh viện 7A, Bệnh viện Nhà Bè, Phòng khám Nhơn Tâm,... nên những học sinh nghỉ học do bị bệnh hoặc về quê không được khám.

2.8. Kết quả chủ động triển khai các biện pháp vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Số lượt	Ghi chú
1	Tổng vệ sinh trường lớp	Hàng tuần	
2	Phun hóa chất diệt côn trùng	Đầu năm học	Khi có dịch
3	Vệ sinh khử trùng đồ chơi, đồ dùng học tập	Hàng tuần	
4	Vệ sinh nhà ăn, nhà bếp	Hàng ngày	
5	Vệ sinh nguồn nước	Hàng quý	
6	Thu gom, xử lý rác thải	Hàng ngày	
7	Khác (ghi rõ)	0	

Nhận xét: Hiện tại, còn một số trường chưa có hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải rắn nguy hại như bóng đèn hư bể, hộp mực in, pin thải liên hệ với Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích huyện Nhà Bè để thực hiện xử lý rác theo quy định.

2.9. Triển khai các chương trình y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Phòng chống HIV/AIDS	30	0	44 trường MN
2	Phòng chống tai nạn thương tích	74	0	
3	Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm	74	0	
4	Phòng chống suy dinh dưỡng	74	0	
5	An toàn thực phẩm	73	0	Trung tâm GDNN-GDTX không có bếp và căn tin
6	Phòng chống thuốc lá	74	0	
7	Phòng chống rượu bia	74	0	
8	Xây dựng Trường học nâng cao sức khỏe	74	0	

Nhận xét: Các chương trình được triển khai rất tốt cho tất cả các trường, riêng chương trình HIV/AIDS áp dụng trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; chương trình phòng, chống tác hại thuốc lá, phòng, chống rượu bia áp dụng cho trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.

2.10. Báo cáo kết quả kinh phí dành cho công tác y tế trường học

TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Tổng số kinh phí	1.692.792.006	
2	Nguồn Ngân sách Nhà nước	158.730.179	
3	Nguồn bảo hiểm y tế học sinh	1.097.630.133	
4	Nguồn kinh phí khác	436.431.694	

Nhận xét: Thực hiện đúng quy định

III. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

3.1. Biên soạn tài liệu, nội dung truyền thông phù hợp với tình hình dịch bệnh của địa phương: Có biên soạn 74/74 – 100%

3.2. Có góc truyền thông giáo dục sức khỏe: 74/74 – 100%

3.3. Tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe

TT	Nội dung	Số lượt	Số người	Ghi chú
1	Phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm	320	67.110	
2	Phòng chống ngộ độc thực phẩm	58	21.372	
3	Dinh dưỡng hợp lý	74	32.403	
4	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe	74	24.045	
5	Phòng chống tác hại thuốc lá	18	8.366	

6	Phòng chống tác hại rượu bia	15	7.425	
7	Phòng chống bệnh, tật học đường	39	7.911	
8	Chăm sóc răng miệng	51	17.875	
9	Phòng chống các bệnh về mắt	74	16.449	
10	Phòng chống tai nạn thương tích	74	12.352	
11	Khác (ghi rõ)	0	0	

Nhận xét: Phòng Truyền thông Giáo dục Sức khỏe Trung tâm Y tế Huyện phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Khoa Kiểm soát Bệnh tật, Khoa Y tế công cộng, Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng, Khoa An toàn thực phẩm Trung tâm Y tế Huyện đã xây dựng và triển khai kế hoạch tập huấn nhằm cập nhật các kiến thức mới về Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2016 trong trường học cho Đại diện Ban Giám hiệu trên địa bàn huyện Nhà Bè.

- Tiếp nhận và phân phối tài liệu tuyên truyền do các đơn vị chỉ đạo tuyên trên cung cấp cho các trường. Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư liên Sở 8898/LT-YT-GDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2016, đã có 74 trường đã xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch Truyền thông Giáo dục Sức khỏe năm học 2021-2022 theo đúng định hướng của ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo chiếm tỉ lệ 100%.

IV. Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Trường có phòng y tế trường học	70	4	
2	Trường có phòng y tế có đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe học sinh	68	6	
3	Trường có nhân viên y tế trường học	50	24	
4	Trường có sổ khám bệnh	74	0	
5	Trường có sổ theo dõi sức khỏe học sinh	73	1	
6	Trường có sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh	70	4	

Nhận xét: Đa số các trường học đều bố trí phòng Y tế, có đủ điều kiện chăm sóc sức khỏe học sinh theo quy định hiện hành.

V. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Điều kiện về phòng học	68	6	
2	Điều kiện về bàn ghế	68	6	
3	Điều kiện về bảng phòng học	68	6	

4	Điều kiện về chiếu sáng	73	1	
5	Điều kiện về thiết bị, đồ chơi trẻ em	44		
6	Điều kiện về nước ăn uống	74	0	
7	Điều kiện về nước sinh hoạt	74	0	
8	Điều kiện về công trình vệ sinh	53	21	
9	Điều kiện về thu gom, xử lý chất thải	55	19	Thiếu 1 hợp đồng rác thải (sinh hoạt/ y tế/ nguy hại) sẽ không đạt
10	Điều kiện về an toàn thực phẩm	65	8	TT GDNN-GDTX không có bếp ăn và căn tin

Nhận xét: Vẫn còn một số trường chưa đủ điều kiện đúng theo quy định.

VI. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Ban chăm sóc sức khỏe học sinh có phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên và tổ chức họp tối thiểu 01 lần/học kỳ	74	0	
2	Có các quy định để thực hiện các chính sách, chế độ chăm sóc sức khỏe học sinh	74	0	
3	Xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy cô giáo với học sinh và học sinh với học sinh	74	0	
4	Xây dựng mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe học sinh để giúp đỡ, hỗ trợ	74	0	

Nhận xét: Thực hiện tốt bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng.

VII. Đánh giá công tác y tế trường học

- Tự đánh giá kết quả thực hiện công tác y tế trường học theo mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 13/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/ 5/ 2016:

Có ☒ Không ☐

Tổng điểm: 96.17/100 điểm – Tỷ lệ: 96.17%

Xếp loại: Tốt

- Đánh giá của cơ quan quản lý: Có ☒ Không ☐

Tổng điểm: 96.17/100 điểm – Tỷ lệ: 96.17%

Xếp loại: Tốt

NHẬN XÉT CHUNG

- Một số trường do tình hình học sinh đi học lại sau dịch Covid-19 chưa đều, số lượng ít nên chưa tổ chức khám sức khỏe cho học sinh.

- Một số trường mầm non tư thục chưa thực hiện hợp đồng rác thải y tế, rác thải nguy hại; bố trí thiết bị tại bếp ăn để đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm.

KIẾN NGHỊ

Thành phố tiếp tục duy trì chính sách đãi ngộ đối với nhân viên Y tế trường học./.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Y tế;
- BCD.YTTH cấp Huyện;
- Hiệu trưởng trường MN, PT;
- Giám đốc TT.GDNN-GDTX;
- Lưu: VT.

TM. BAN CHỈ ĐẠO Y TẾ TRƯỜNG HỌC
PHÓ TRƯỞNG BAN



TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Lê Thị Oanh

